



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 152/QĐ-CDPTTHII ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

- Tên ngành, nghề: **Thiết kế đồ họa**
Mã ngành, nghề: **6210402**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Đối tượng tuyển sinh: - **Tốt nghiệp Trung học phổ thông**
- **Tốt nghiệp trình độ Trung cấp có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**
Thời gian đào tạo: **2,5 năm (30 tháng)**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học trở thành cử nhân thực hành ngành Thiết kế đồ họa, có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng nói chung và thiết kế đồ họa nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

Trình bày và sử dụng được kiến thức về một số hệ thống sản xuất hiện đại và hệ thống sản xuất các sản phẩm đồ họa, các kiến thức về quy trình sản xuất một sản phẩm đồ họa;

Trình bày được kiến thức về tạo hình mỹ thuật, kiến thức về đường, hình, khối và một số vấn đề mỹ thuật liên quan;

Trình bày được các kiến thức cơ bản về đồ họa, đồ họa công nghiệp;

Trình bày được kiến thức chung về ảnh số, các hệ màu trên máy tính, các kỹ thuật biến đổi ảnh và các thao tác với ảnh số, quy trình phục chế ảnh, xử lý hậu kỳ;

Trình bày được các kiến thức và các kiến thức cơ bản về: phạm vi ứng dụng của chế bản điện tử, bộ nhận diện thương hiệu và các công cụ tạo lập các chế bản ngắn, đơn giản, tổ chức và sắp xếp chế bản của một ấn phẩm;

Trình bày được kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet; các kiến thức cơ sở về đồ họa và đồ họa trên vi tính;

Xác định được kiến thức cơ bản liên quan đến dịch vụ web và thiết kế giao diện website, nhân vật game;



Trình bày được kiến thức về mỹ thuật 2D và 3D; Trình bày được các kiến thức liên quan đến tạo hình 2D, 3D;

Xác định được cách dựng sản phẩm đa phương tiện, tích hợp các dữ liệu thu thập, theo kịch bản; kỹ năng thu thập dữ liệu thực tế phục vụ cho việc dựng phim, biên tập âm thanh;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;

Cài đặt và sử dụng được các phần mềm dùng trong thiết kế đồ họa như: phần mềm thiết kế 2D, phần mềm thiết kế 3D, phần mềm dựng phim, game, phần mềm xử lý ảnh và đồ họa, phần mềm xử lý Audio và Video;

Giao tiếp, tìm hiểu và xác định được nhu cầu của khách hàng; Tư vấn được cho khách hàng; Thực hiện được sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;

Thực hiện được việc khai thác Internet, tra cứu tài liệu tiếng Việt hoặc tiếng Anh để phục vụ cho yêu cầu công việc;

Thiết kế, hoàn thiện được các sản phẩm đồ họa như: Thiết kế quảng cáo trên biển bảng quảng cáo, trên website hoặc mạng xã hội, trên truyền hình, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, trang bìa sách, dàn trang, trình bày nội dung sách, báo, tạp chí, tranh cổ động;

Thực hiện được biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh, quay camera, chụp ảnh, xử lý các ảnh tĩnh, ảnh động; Thiết kế đối tượng đồ họa game, hoạt hình;

Thiết kế được giao diện Website; Thực hiện được việc tích hợp dữ liệu đa phương tiện; Thu thập được dữ liệu ảnh, hình động, video, âm thanh; Tạo lập được một số ấn phẩm chuyên dụng sử dụng nội bộ;

Xử lý được ảnh theo yêu cầu thực tế, biết cách phối hợp các thao tác tổng hợp để giải quyết các yêu cầu thực tế; Tạo lập được các ấn phẩm dùng cho các lĩnh vực khác nhau như tạo nhãn mác hàng hóa, tạo mẫu logo, tạo mẫu danh thiếp hoặc quảng cáo;

Thực hiện được các dịch vụ liên quan đến thiết kế đồ họa như mỹ thuật, chế bản sách báo, tạo các tranh ảnh quảng cáo, các dịch vụ liên quan đến video số, chụp ảnh số; Tạo ra được các bản vẽ liên quan đến mỹ thuật công nghiệp;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về thái độ

Người học có khả năng làm việc độc lập, tự kiếm sống bằng nghề đã học hoặc có khả năng tổ chức làm nghề theo nhóm. Thực hiện đúng luật sở hữu trí

tuệ trong ứng dụng phần mềm, tôn trọng bản quyền; cần cù, chịu khó và sáng tạo. Người học trở thành người có đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có khả năng tự học hoặc tiếp tục học để nâng cao trình độ.

Cập nhật được kiến thức, thực hiện sáng tạo trong công việc; Làm việc được với các môi trường làm việc khác nhau;

Có tác phong làm việc năng động, khoa học, sáng tạo; Có tinh thần tự học, tự cập nhật kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực đồ họa cũng như kiến thức bổ trợ có liên quan thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn, báo chí, truyền thông.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Thiết kế đồ họa, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Dịch vụ khách hàng trong lĩnh vực đồ họa;
- Thiết kế sản phẩm, ấn phẩm quảng cáo và xuất bản;
- Biên tập, xử lý hình ảnh, video, âm thanh;
- Thiết kế sản phẩm đồ họa truyền thông đa phương tiện;
- Thiết kế đối tượng đồ họa Games, hoạt hình 2D;
- Thiết kế đối tượng đồ họa Games, hoạt hình 3D.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- | | |
|--|------------|
| - Số lượng môn học, mô đun: | 36 môn học |
| - Khối lượng kiến thức toàn khóa học: | 90 tín chỉ |
| - Khối lượng các môn học chung/ đại cương: | 435 giờ |
| - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: | 1.935 giờ |
| - Khối lượng lý thuyết: | 532 giờ; |
| - Thực hành, thực tập, thí nghiệm: | 1.696 giờ |
| - Kiểm tra: | 142 giờ |
| - Thời gian khóa học: | 2,5 năm |

3. Nội dung chương trình:

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm /bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I.	Các môn học chung	21	435	157	255	23
1090042	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
1090022	Pháp luật	2	30	18	10	2
1090025	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
1110090	Tin học	3	75	15	58	2
1090044	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
1090045	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học chuyên môn	69	1935	375	1441	119
II.1	Môn học cơ sở ngành, nghề	16	405	105	268	32
1100141	Mỹ học đại cương	2	45	15	26	4
1110107	Mỹ thuật ứng dụng	2	45	15	26	4
1110108	Kỹ năng vẽ phác thảo	2	45	15	26	4
1110109	Adobe Photoshop	2	45	15	26	4
1110110	Adobe Illustrator	2	45	15	26	4
1110111	Nguyên lý thị giác	2	45	15	26	4
1110112	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2	45	15	26	4
1110106	Kiến tập tại cơ sở	2	90	0	86	4
II.2	Môn học chuyên môn ngành, nghề	53	1530	270	1173	87
1110044	Nhiếp ảnh	2	45	15	26	4
1110113	Xử lý ảnh với Photoshop	2	45	15	26	4
1110114	Công nghệ in	2	45	15	26	4
1110115	Phát triển ý tưởng thiết kế	3	75	15	56	4

VIỆT NAM

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm /bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1110116	Nghệ thuật chữ	2	45	15	26	4
1110117	Adobe InDesign	2	45	15	26	4
1110118	Thiết kế dàn trang	2	45	15	26	4
1110119	Thiết kế bao bì	2	45	15	26	4
1110120	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3	75	15	56	4
1110121	Thiết kế quảng cáo sự kiện	2	45	15	26	4
1110122	Thiết kế layout trang web	2	45	15	26	4
1110123	Kịch bản phân cảnh	2	45	15	26	4
1110124	Kỹ thuật quay phim	2	45	15	26	4
1110125	Kỹ thuật dựng phim	3	75	15	56	4
1110126	Kỹ xảo VFX với Adobe AfterEffects	2	45	15	26	4
1110127	AutoDesk 3DS MAX cơ bản	2	45	15	26	4
1110128	AutoDesk 3DS MAX nâng cao	2	45	15	26	4
1110129	Kỹ xảo 3D với Cinema 4D	2	45	15	26	4
1110130	Đồ án đồ họa 3D	4	180	0	175	5
1110049	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5	225	0	220	5
1110043	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
Tổng cộng (I)+(II)		90	2370	532	1696	142



4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

- Môn Ngoại ngữ: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 ban hành chương trình môn học Tiếng Anh;

- Môn Giáo dục chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Môn Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành chương trình môn học Pháp luật;

- Môn Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Môn Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành chương trình môn học Tin học;

- Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định trong thời khóa biểu học tập hàng năm và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành cho người học theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

- Mã số quản lý môn học được thống nhất trong chương trình đào tạo và trên phần mềm quản lý tín chỉ được quy định như sau:

- + Phòng Quản lý Đào tạo: 108;
- + Khoa Kinh tế truyền thông: 109;
- + Khoa Báo chí - Truyền thông: 110;
- + Khoa Công nghệ truyền thông: 111.

- Danh sách chuyển đổi môn học giữa các chương trình đào tạo:

Số TT	Môn học của chương trình năm 2019	Số TC	Môn học của chương trình năm 2020	Số TC	Môn thay thế	Số TC
1	Xử lý ảnh	2	Xử lý ảnh	2	Adobe Photoshop nâng cao	2
2	Thiết kế đồ họa với CorelDraw	2			Kỹ năng vẽ phác thảo	2
3	Nguyên lý đồ họa	2	Nguyên lý đồ họa	2	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2
4	Chế bản điện tử với InDesign	2	Chế bản điện tử với InDesign	2	Adobe InDesign	2
5	Nghệ thuật đồ họa chữ	2	Nghệ thuật đồ họa chữ	2	Nghệ thuật chữ	2
6	Illustrator	2	Illustrator	2	Adobe Illustrator	2
7	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật (AutoCad)	2	Thiết kế bản vẽ kỹ thuật (AutoCad)	2	Thiết kế dàn trang	2
8	Kỹ thuật in	2	Kỹ thuật in	2	Công nghệ in	2
9	Xây dựng đối tượng quảng cáo với 3D-Max	2	Thiết kế đối tượng quảng cáo 3D	2	AutoDesk 3DS MAX Cơ bản	2
10	Thiết kế phối cảnh 3D	2	3Ds Max nâng cao	2	AutoDesk 3DS MAX nâng cao	2
11	Kỹ xảo phim 3D	2	Hoạt hình 3D (3D Animation)	2	Kỹ xảo 3D với Cinema 4D	2
12	Xử lý hậu kỳ với Adobe Premiere	2			Kỹ thuật Quay phim	2
13	Đồ họa hoạt hình với Flash	2	Kỹ xảo truyền hình	2	Kỹ xảo VFX với Adobe After Effects	2
14	Đồ án đồ họa 2D	4			Thực tập tốt nghiệp tại trường	5
15	Đồ án xử lý hậu kỳ	5			Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5
16	Anh văn chuyên ngành	2	Anh văn 3 – CN	2	Mỹ học đại cương	2

Am

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

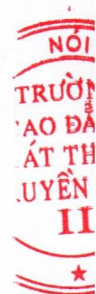
(Theo Chương trình đào tạo ban hành theo
Quyết định số 152/QĐ-CĐPTTHII ngày 08/8/2023)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1090042	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)		
2	1090025	Giáo dục thể chất	2(0,2,1)		
3	1110090	Tin học	3(1,2,3)		
4	1090044	Tiếng Anh 1	3(2,1,5)		
5	1100141	Mỹ học đại cương	2(1,1,3)	1090044 (b)	
6	1110107	Mỹ thuật ứng dụng	2(1,1,3)	1100141 (a)	
7	1110108	Kỹ năng vẽ phác thảo	2(1,1,3)	1110107 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 2			19		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1090022	Pháp luật	2(2,0,4)		
2	1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4(3,1,7)		
3	1090045	Tiếng Anh 2	3(2,1,5)		
4	1110109	Adobe Photoshop	2(1,1,3)	1110090 (a)	
5	1110110	Adobe Illustrator	2(1,1,3)	1110090 (a) 1110109 (b)	
6	1110111	Nguyên lý thị giác	2(1,1,3)	1110107 (a) 1110110 (a)	
7	1110112	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2(1,1,3)	1110110 (a) 1110107 (a) 1110111 (b)	

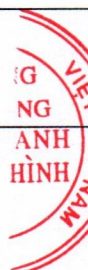


Handwritten signature

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
8	1110106	Kiến tập tại cơ sở	2(0,2,1)	1110109 (a) 1110110 (a) 1110111 (a) 1110112 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 3			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1110124	Kỹ thuật quay phim	2(1,1,3)	1110044 (b)	
2	1110123	Kịch bản phân cảnh	2(1,1,3)	1110124 (a)	
3	1110125	Kỹ thuật dựng phim	3(1,2,3)	1110123 (a)	
4	1110044	Nhiếp ảnh	2(1,1,3)	1110124 (b)	
5	1110113	Xử lý ảnh với Photoshop	2(1,1,3)	1110109 (a) 1110044 (a) 1110117 (b)	
6	1110117	Adobe InDesign	2(1,1,3)	1110110 (a) 1110113 (b)	
7	1110115	Phát triển ý tưởng thiết kế	3(1,2,3)	1110110 (a) 1110117 (b)	
8	1110114	Công nghệ in	2(1,1,3)	1110110 (a) 1110113 (a) 1110117 (b)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 4			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1110127	AutoDesk 3DS MAX cơ bản	2(1,1,3)		
2	1110128	AutoDesk 3DS MAX nâng cao	2(1,1,3)	1110127 (a)	
3	1110130	Đồ án đồ họa 3D	4(0,4,2)	1110128 (a)	
4	11100116	Nghệ thuật chữ	2(1,1,3)	1110121 (b) 1110122 (b)	
5	1110121	Thiết kế quảng cáo sự kiện	2(1,1,3)	1110113 (a)	
6	1110122	Thiết kế layout trang web	2(1,1,3)	1110113 (a)	



 NƠI
 TRƯỜNG
 CAO ĐẲNG
 NGHỆ THUẬT
 TUYÊN
 II
 ★

Handwritten signature

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
7	1110118	Thiết kế dàn trang	2(1,1,3)	1110117 (a) 1110119 (b)	
8	1110119	Thiết kế bao bì	2(1,1,3)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 5			17		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1110126	Kỹ xảo VFX với Adobe After Effects	2(1,1,3)	1110130 (a) 1110120 (b) 1110129 (b)	
2	1110129	Kỹ xảo 3D với Cinema 4D	2(1,1,3)	1110125 (a) 1110128 (a)	
3	1110120	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3(1,2,3)	1110114 (a) 1110118 (a) 1110126 (b)	
4	1110049	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5(0,5,3)	1110120 (a) 1110129 (a)	
5	1110043	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5(0,5,3)	1110049 (a)	8 tuần
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Tổng cộng			90		

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

LÃNH ĐẠO KHOA


 Hồ Lê Hoàng Việt



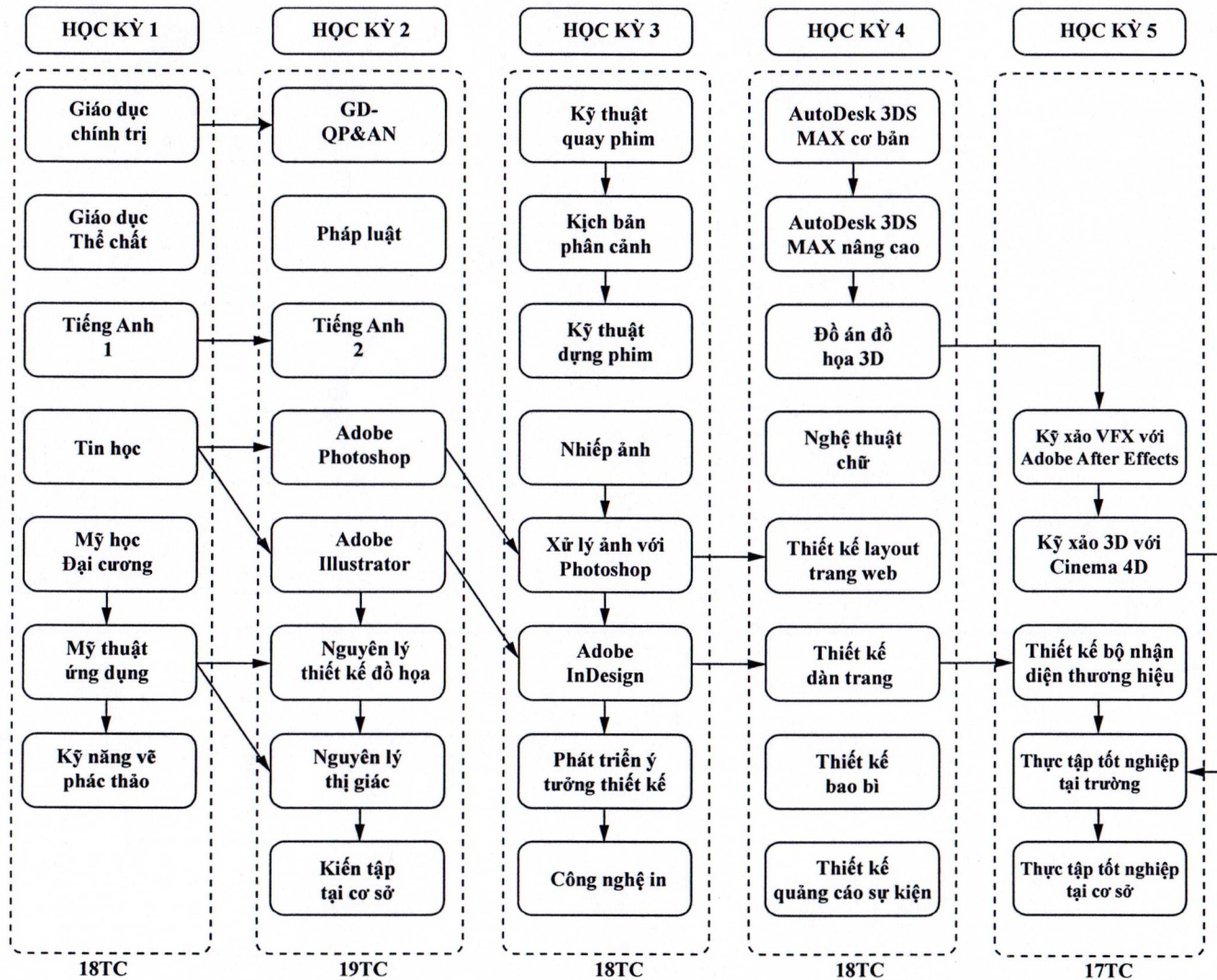
TS. Kim Ngọc Anh



SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Thiết kế đồ họa

Mã ngành, nghề: 6210402



Handwritten signature: Dina / Hồ Lê Hoàng Vũ